BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 868/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cảnh báo kết quả học tập mức 2 – học kỳ II năm học 2021-2022 đối với sinh viên Khóa 08, 09 và 10 đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-TĐHTPHCM ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp về việc xét công nhận tốt nghiệp đợt 2 năm học 2021-2022 đối với sinh viên khóa 03, 04, 05, 06, 07 đại học chính quy và xét học vụ học kỳ II năm học 2021-2022 đối với sinh viên khóa 08, 09, 10 đại học chính quy;

Theo đề nghị của Hội đồng xét học vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cảnh báo kết quả học tập mức 2 học kỳ II năm học 2021 – 2022 đối với **119** sinh viên, trong đó có: **06** sinh viên Khóa 08 đại học**; 18** sinh viên Khóa 09 đại học và **95** sinh viên Khóa 10 đại học chính quy (Đính kèm theo danh sách).

Lý do: Vi phạm Khoản 2, Điều 45 của Quy chế đào tạo Đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 808/QĐ-TĐHTPHCM ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh) áp dụng đối với Khóa 08, 09 và 10 đại học chính quy.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo, Công tác Sinh viên, Hành chính - Quản trị, Kế hoạch - Tài chính; Trưởng các Khoa, Cố vấn học tập các lớp và những sinh viên có tên trong Danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Phòng CTSV (để biết);
- Phòng KH – TC (để biết);
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Quyền

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 08, 09 VÀ 10
CẢNH BÁO MỨC 2 - HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số 868/ QĐ-TĐHTPHCM ngày 09/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	LỚP	Tổng TC (ĐVHT) HKII	ĐTBC HKII	ĐTBC QĐ HKII	STCT LN	ĐTBTL	ĐTBT L QĐ	Tổng TC (ĐVHT) không đạt	Ghi chú
1	0850020064	Đặng Thái	Tài	31/07/1999	08_ĐH_KTMT2	22	6,49	2,5	75	6	2,11	33	
2	0850030023	Đào Trọng	Nhân	11/12/2001	08_ĐH_TĐTH	12	0,45	0	61	5,63	1,84	40	
3	0850080016	Trương Lê Thành	Đạt	28/12/2001	08_ĐH_THMT		0	0	45	6,26	2,33	18	
4	0850080042	Đặng Thái	Sơn	02/11/2001	08_ĐH_THMT		0	0	42	5,78	2,02	24	
5	0850080043	Nguyễn Thanh Nhật	Tân	22/12/2000	08_ĐH_THMT		0	0	54	5,94	2,06	14	
6	0850160008	Nguyễn Hữu	Phước	26/01/2001	08_ĐH_TTNN	9	0	0	46	5,9	2,08	35	
7	0950030038	Ninh Văn	Thi	11/11/2002	09_ĐHTĐ_2	5	0	0	25	6,66	2,54	39	
8	0950030038	Ninh Văn	Thi	11/11/2002	09_ĐHTĐ_2	5	0	0	25	6,66	2,54	39	
9	0950020033	Phan Hồng	Nhã	23/06/2002	09_ĐHMT_2	19	0	0	37	5,9	2,05	36	
10	0950040286	Nguyễn Tự Quang	Vinh	14/03/2001	09_ĐHQLĐĐ_7	12	0	0	29	6,05	2,19	36	
11	0950040134	Lê Nhật	Huy	13/01/2002	09_ĐHQLĐĐ_8	14	0	0	32	5,59	1,89	34	
12	0950040120	Trần Lê Phước	Sang	16/10/2002	09_ĐHQLĐĐ_3	14	0,54	0	31	5,83	1,98	35	
13	0950040253	Lường Tú	Đạt	13/06/2002	09_ĐHQLĐĐ_7	12	0	0	33	6,03	2,17	33	
14	0950120065	Lương Thị Xuân	Hoa	15/02/2000	09_ĐHQLTN_2	8	3,44	0,69	32	5,59	1,89	34	
15	0950020011	Nguyễn Thị Linh	Chi	17/07/2002	09_ĐHMT_1	11	0	0	28	5,74	1,95	27	
16	0950160009	Phan Minh	Quân	03/06/2002	09_ĐHTĐ_3	14	0,33	0	27	5,65	1,85	24	
17	0950090066	Phạm Thị Mỹ	Dung	27/09/2002	09_ĐHQTKD_2	2	0	0	25	6,4	2,4	23	
18	0950070007	Lê Thị Thanh	Hảo	22/08/2002	09_ĐH_HTTT	5	0	0	23	6,2	2,2	21	
19	0950080089	Nguyễn Hồng Phúc	Đăng	03/10/2002	09_ĐHCNTT_3	2	0	0	21	5,85	2,05	16	
20	0950120021	Nguyễn Thị Hồng	Đào	24/09/2002	09_ĐHQLTN_1	3	0	0	34	6,88	2,75	16	
21	0950090060	Nguyễn Thị Thanh	Chúc	23/08/2002	09_ĐHQTKD_2	2	0	0	26	6,22	2,27	15	
22	0950080063	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	16/07/2002	09_ĐHCNTT_2	2	0	0	27	7,44	2,85	8	
23	0950120009	Lê Thị	Di	25/05/2002	09_ĐHQLTN_1				18	5,87	2,06	23	Hạ mức
24	0950020027	Lê Văn	Khánh	06/05/2002	09_ĐHMT_2	22	6,73	2,61	42	6,71	2,62	20	Hạ mức
25	1050060011	Nguyễn Nhật	Huy	06/04/2003	10__ĐH_CTN	12	0	0	0	0	0	28	
26	1050060017	Nguyễn Thanh	Phát	01/10/2003	10__ĐH_CTN	12	0	0	0	0	0	27	
27	1050060019	Nguyễn Quang	Thắng	11/11/2003	10__ĐH_CTN	12	0	0	0	0	0	25	
28	1050020006	Lâm Trung	Đông	01/01/2003	10_ĐH_MT1	9	0	0	0	0	0	19	

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	LỚP	Tổng TC (ĐVHT) HKII	ĐTBC HKII	ĐTBC QĐ HKII	STCT LN	ĐTBTL	ĐTBT L QĐ	Tổng TC (ĐVHT) không đạt	Ghi chú
29	1050020029	Nguyễn Văn Trí	Thiện	14/04/2003	10_ĐH_MT1	15	0	0	0	0	0	32	
30	1050020030	Nguyễn Văn Thành	Danh	23/02/2003	10_ĐH_MT2	13	0	0	0	0	0	32	
31	1050120016	Lê Quốc	Huy	03/12/2003	10_ĐH_QLTN1	11	8,7	4	2	8,7	4	24	
32	1050120019	Nguyễn Thị Trúc	Linh	28/12/2003	10_ĐH_QLTN1	13	0	0	0	0	0	28	
33	1050120048	Trương Thị Lan	Anh	24/07/2003	10_ĐH_QLTN2	9	0	0	0	0	0	26	
34	1050120047	Võ Thị Nguyên	Anh	26/08/2002	10_ĐH_QLTN2	7	0	0	0	0	0	22	
35	1050120053	Bùi Ngọc Yến	Giang	16/09/2003	10_ĐH_QLTN2	11	0	0	0	0	0	26	
36	1050120055	Đỗ Dương Ánh	Hồng	07/11/2003	10_ĐH_QLTN2	11	0	0	0	0	0	28	
37	1050120102	Trương Thị Mỹ	Linh	05/04/2003	10_ĐH_QLTN3	15	0	0	0	0	0	32	
38	1050120111	Hứa Thành	Phước	28/12/2002	10_ĐH_QLTN3	15	0	0	0	0	0	32	
39	1050120114	Nguyễn Văn	Tài	16/10/2003	10_ĐH_QLTN3	15	0	0	0	0	0	32	
40	1050120125	Nguyễn Gia	Tín	30/01/2003	10_ĐH_QLTN3	9	0	0	0	0	0	28	
41	1050120127	Nguyễn Hữu	Trọng	10/03/2003	10_ĐH_QLTN3	9	0	0	0	0	0	26	
42	1050120132	Nguyễn Thị Tường	Vi	06/11/2003	10_ĐH_QLTN3	11	0	0	0	0	0	28	
43	1050110017	Phan Châu	Khải	30/05/2003	10_ĐH_KTTN1	7	0	0	0	0	0	17	
44	1050090273	Vương Đình Anh	Tú	21/06/2003	10_ĐH_QTKD6	7	0	0	2	6,5	2,5	17	
45	1050040007	Nguyễn Thành	Công	27/03/2003	10_ĐH_QLĐĐ1	15	0	0	0	0	0	27	
46	1050040016	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	01/11/2003	10_ĐH_QLĐĐ1	15	0	0	0	0	0	21	
47	1050040020	Đặng Hoàng	Khang	24/08/2003	10_ĐH_QLĐĐ1	15	0	0	0	0	0	21	
48	1050040022	Phạm Hồng	Khoa	24/09/2003	10_ĐH_QLĐĐ1	15	0	0	0	0	0	21	
49	1050040040	Nguyễn Thị Thu	Trang	09/02/2003	10_ĐH_QLĐĐ1	15	0	0	0	0	0	27	
50	1050040069	Nguyễn Thành	Long	01/12/2003	10_ĐH_QLĐĐ2	17	0	0	0	0	0	23	
51	1050040121	Nguyễn Mạnh	Thắng	22/08/2003	10_ĐH_QLĐĐ3	17	0	0	0	0	0	24	
52	1050040123	Nguyễn Chí	Thiện	13/03/2003	10_ĐH_QLĐĐ3	15	0	0	0	0	0	17	
53	1050040139	Bùi Thị Tuyết	Anh	26/05/2003	10_ĐH_QLĐĐ4	15	0	0	0	0	0	17	
54	1050040148	Hà Thúc Minh	Huy	24/04/2003	10_ĐH_QLĐĐ4	17	0	0	0	0	0	24	
55	1050040161	Phạm Hoàng	Phúc	15/12/2003	10_ĐH_QLĐĐ4	13	0	0	0	0	0	13	
56	1050040178	Võ Thị Thúy	Vy	09/12/2003	10_ĐH_QLĐĐ4	17	0	0	0	0	0	29	
57	1050040192	Hồ Tuấn	Khải	11/10/2003	10_ĐH_QLĐĐ5	15	0	0	0	0	0	22	
58	1050040193	Phạm Đào Trung	Kiên	26/01/2002	10_ĐH_QLĐĐ5	15	0	0	0	0	0	22	
59	1050040213	Giáp Thị Cẩm	Tiên	09/10/2003	10_ĐH_QLĐĐ5	15	0	0	0	0	0	17	
60	1050040244	Huỳnh Nhật	Minh	16/06/2003	10_ĐH_QLĐĐ6	17	0	0	0	0	0	29	
61	1050040257	Nguyễn Phan Đoan	Thùy	21/01/2001	10_ĐH_QLĐĐ6	15	0	0	0	0	0	17	

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	LỚP	Tổng TC (ĐVHT) HKII	ĐTBC HKII	ĐTBC QĐ HKII	STCT LN	ĐTBTL	ĐTBT L QĐ	Tổng TC (ĐVHT) không đạt	Ghi chú
62	1050040294	Cao Thị	Nhung	19/01/2003	10_ĐH_QLĐĐ7	15	0	0	0	0	0	17	
63	1050040280	Trần Trung	Kiên	10/08/2003	10_ĐH_QLĐĐ7	17	4,69	1,28	14	4,79	1,29	15	
64	1050040307	Lê Anh	Trường	24/07/2003	10_ĐH_QLĐĐ7	15	0	0	0	0	0	17	
65	1050040339	Nguyễn Khôi	Nguyên	31/07/2003	10_ĐH_QLĐĐ8	13	0	0	0	0	0	13	
66	1050040346	Nguyễn Như	Quỳnh	26/10/2002	10_ĐH_QLĐĐ8	15	0	0	0	0	0	17	
67	1050040381	Trần Ngọc Yến	Nhi	05/10/2002	10_ĐH_QLĐĐ9	17	0	0	0	0	0	26	
68	1050040400	Lưu Minh	Ân	23/08/2003	10_ĐH_QLĐĐ10	15	0	0	0	0	0	24	
69	1050040431	Đặng Tiến	Sỉ	07/09/2003	10_ĐH_QLĐĐ10	15	0	0	0	0	0	24	
70	1050040447	Nguyễn Phương	Đạt	17/06/2003	10_ĐH_QLĐĐ11	15	0	0	0	0	0	19	
71	1050040456	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	17/10/2003	10_ĐH_QLĐĐ11	15	0	0	0	0	0	21	
72	1050040461	Nguyễn Thị Ngọc	Lâm	11/06/2003	10_ĐH_QLĐĐ11	15	0	0	0	0	0	19	
73	1050040467	Phan Thành	Phát	25/08/2003	10_ĐH_QLĐĐ11	15	0	0	0	0	0	21	
74	1050040470	Nguyễn Tấn	Phước	14/05/2003	10_ĐH_QLĐĐ11	15	0	0	0	0	0	21	
75	1050040471	Trần Thị Hồng	Thắm	28/05/2003	10_ĐH_QLĐĐ11	15	0	0	0	0	0	19	
76	1050040478	Nguyễn Huỳnh Thủy	Tiên	10/09/2003	10_ĐH_QLĐĐ11	15	0	0	0	0	0	19	
77	1050040480	Lê Thanh	Tiến	09/02/2003	10_ĐH_QLĐĐ11	15	0	0	0	0	0	19	
78	1050080007	Đỗ Chí	Cường	28/09/2003	10_ĐH_CNTT1	12	0,3	0	0	0	0	26	
79	1050080019	Chế Anh	Kiệt	16/06/2003	10_ĐH_CNTT1	7	0	0	0	0	0	21	
80	1050080030	Nguyễn Thanh	Phong	18/04/2003	10_ĐH_CNTT1	7	0	0	0	0	0	26	
81	1050080039	Lương Việt	Tuấn	15/05/2003	10_ĐH_CNTT1	10	0	0	0	0	0	24	
82	1050080063	Nguyễn Văn	Mùi	13/06/2003	10_ĐH_CNTT2	9	0	0	2	6,8	2,5	26	
83	1050080067	Chung Lê Hoài	Nhân	23/01/2003	10_ĐH_CNTT2	9	0	0	2	7,2	3	26	
84	1050080072	Bùi Xuân	Quý	04/10/2003	10_ĐH_CNTT2	9	0	0	0	0	0	23	
85	1050080084	Lâm Tâm Như	Ý	20/11/2003	10_ĐH_CNTT2	9	0	0	0	0	0	23	
86	1050080095	Vũ Ngọc	Hải	25/10/2003	10_ĐH_CNTT3	7	0	0	3	7,9	3	23	
87	1050080097	Nguyễn Tấn	Hào	26/10/2003	10_ĐH_CNTT3	9	0,4	0	0	0	0	23	
88	1050080121	Mạc Văn	Tiến	26/01/2003	10_ĐH_CNTT3	7	0	0	0	0	0	21	
89	1050080126	Nguyễn Quang	Vinh	19/11/2003	10_ĐH_CNTT3	7	0	0	0	0	0	21	
90	1050080132	Nguyễn Phan Huỳnh	Đức	31/12/1999	10_ĐH_CNTT4	11	1,63	0,18	2	4,3	1	28	
91	1050080166	Đặng Trí	Văn	30/03/2003	10_ĐH_CNTT4	9	0	0	3	4,8	1	25	
92	1050080170	Bùi Gia	Bảo	10/11/2003	10_ĐH_CNTT5	7	0	0	2	7,5	3	20	
93	1050080201	Ngô Gia	Thắng	08/12/2003	10_ĐH_CNTT5	7	0	0	0	0	0	20	
94	1050080221	Lê Việt	Đức	10/04/2003	10_ĐH_CNTT6	7	0	0	0	0	0	24	

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	LỚP	Tổng TC (ĐVHT) HKII	ĐTBC HKII	ĐTBC QĐ HKII	STCT LN	ĐTBTL	ĐTBT L QĐ	Tổng TC (ĐVHT) không đạt	Ghi chú
95	1050080223	Lê Trọng	Hiếu	09/04/2003	10_ĐH_CNTT6	7	0	0	0	0	0	22	
96	1050080244	Phạm Hồng	Thịnh	24/10/2003	10_ĐH_CNTT6	12	0,3	0	0	0	0	24	
97	1050080263	Nguyễn Thái Huy	Hoàng	22/01/2002	10_ĐH_CNTT7	7	0	0	0	0	0	19	
98	1050080266	Nguyễn Quốc	Huy	22/02/2003	10_ĐH_CNTT7	7	0	0	0	0	0	16	
99	1050080281	Cao Phạm Hoàng	Phúc	01/03/2000	10_ĐH_CNTT7	7	0	0	0	0	0	21	
100	1050080282	Nguyễn Lê Đức Minh	Quân	10/02/2003	10_ĐH_CNTT7	7	0	0	0	0	0	16	
101	1050080286	Lư Thị Mỹ	Trang	17/06/2003	10_ĐH_CNTT7	9	0	0	0	0	0	18	
102	1050070007	Phạm Thị Thu	Hà	08/02/2003	10_ĐH_HTTT1	4	0	0	0	0	0	19	
103	1050070010	Ngô Thị Việt	Linh	27/11/2003	10_ĐH_HTTT1	4	0	0	0	0	0	16	
104	1050070015	Lê Minh	Nhật	13/04/2021	10_ĐH_HTTT1	4	0	0	0	0	0	16	
105	1050070016	Phạm Huỳnh	Nhi	24/09/2003	10_ĐH_HTTT1	4	0	0	0	0	0	18	
106	1050070024	Dương Đình	Quý	04/11/2003	10_ĐH_HTTT1	4	0	0	0	0	0	16	
107	1050070028	Hoàng Kim	Bảo	20/08/2003	10_ĐH_HTTT2	4	0	0	4	4,2	1	17	
108	1050070031	Phạm Thùy	Dương	27/09/2003	10_ĐH_HTTT2	4	0	0	0	0	0	16	
109	1050070036	Phạm Quang	Hiền	21/06/2003	10_ĐH_HTTT2	4	0	0	0	0	0	16	
110	1050070041	Nguyễn Thị	Nga	11/09/2003	10_ĐH_HTTT2	6	0	0	0	0	0	18	
111	1050100004	Nguyễn Hoàng	Khanh	01/04/2003	10_ĐH_ĐC	17	0,06	0	0	0	0	36	
112	1050100010	Nguyễn Chiến	Thắng	24/11/2002	10_ĐH_ĐC	17	0,06	0	0	0	0	36	
113	1050010010	Nguyễn Thị Thu	Phương	31/05/2003	10_ĐH_KT	8	0	0	0	0	0	26	
114	1050010017	Hồ Thị Hồng	Vy	21/07/2002	10_ĐH_KT	8	0	0	0	0	0	24	
115	1050030016	Nguyễn Nhật	Hoàng	11/05/2003	10_ĐH_TĐ1	15	0	0	0	0	0	27	
116	1050030017	Nguyễn Hoàng	Hưng	28/04/2003	10_ĐH_TĐ1	15	0	0	0	0	0	27	
117	1050030036	Nguyễn Hoài	Nam	16/12/2002	10_ĐH_TĐ2	22	0	0	0	0	0	39	
118	1050030038	Trần Văn	Năng	30/08/2003	10_ĐH_TĐ2	22	0	0	0	0	0	39	
119	1050030046	Phan Hoàng	Phương	07/03/2003	10_ĐH_TĐ2	24	1,8	0,19	3	5,4	1,5	38	

Tổng cộng: 119 sinh viên